

Bản án số: **151/2021/HSPT**
Ngày: 06-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long;
Ông Nguyễn Tấn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 180/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 2 năm 2021 đối với bị cáo **Dương Minh H** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HS-ST ngày 25-12-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 954/2021/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021.

- Bị cáo có kháng cáo:

Dương Minh H, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1957 tại tỉnh Quảng Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn L (chết) và bà Phạm Thị Đ (chết); vợ: Trần Thị H; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh 2006; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Sinh ra ở với bố mẹ tại tỉnh Quảng Bình, học hết lớp 10/10. Sau đó đi học T cấp ngành cơ khí từ năm 1976 đến 1977. Cuối năm 1977 công tác tại Công ty vận tải X rồi nhập ngũ quân đội tại Sư 968 đóng tại Lào từ năm 1982 đến 1986 thì xuất ngũ trở lại đơn vị làm việc, năm 1989 nghỉ chế độ 176. Năm 2000 thành lập Công ty TNHH xây dựng tổng hợp N đến năm 2011 công ty làm ăn thua lỗ, phá sản

ngừng hoạt động. Ngày 19/5/2020 bị khởi tố về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; bị bắt tạm giam ngày 20/5/2020 cho đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Minh H:

Ông Trương Thanh T và bà Phạm Thị Huyền T, Luật sư – Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Bị hại:*

- Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1969; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Ông Trần N, sinh năm 1950; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Ông Bàn Văn S, sinh năm 1962; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Bà Đinh Thị Thanh P, sinh năm 1972; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1966; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Bà Đinh Thị Bích T, sinh năm 1958; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Ông Đinh Hữu D, sinh năm 1959; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Ông Nguyễn Thọ T, sinh năm 1955; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Anh Trần Văn C, sinh năm 1993; địa chỉ: tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Chị Phan Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Minh H không có chức năng bố trí, tuyển dụng người vào làm việc tại các Cơ quan Nhà nước nhưng vẫn đưa ra thông tin gian dối, có mối quan hệ rộng và có khả năng xin được việc làm tại các Sở, Ban ngành trong tỉnh. H ra giá cụ thể của từng ngành, nghề làm cho những người có nhu cầu việc làm tin tưởng giao tiền. Bằng thủ đoạn trên, từ năm 2013 đến năm 2018 Dương Minh H đã nhận và chiếm đoạt của 10 người bị hại trú tại các địa bàn thuộc tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị với tổng số tiền là 1.479.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng). Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 09/2013, anh Nguyễn Quang L, sinh năm 1969, trú tại tỉnh Quảng Bình có nhu cầu xin việc cho con gái là Nguyễn Thị

Hoài N, sinh năm 1991, tốt nghiệp chuyên ngành sư phạm anh văn, trường Đại học sư phạm H nên đã liên hệ và gặp H tại nhà ở để đặt vấn đề xin việc. Dương Minh H đã đưa ra thông tin gian dối là có mối quan hệ rộng và hứa hẹn sẽ xin được việc cho con gái anh L vào dạy tại Trường THPT N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Tháng 9/2013 anh L giao cho Dương Minh H với số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền H không thực hiện xin việc cho Hoài N mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân.

Dương Minh H đã trả lại số tiền 82.500.000đồng cho anh L.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 10/2013, anh Trần N, sinh năm 1950, trú tại Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có nhu cầu xin việc cho cháu nội là Trần Thị Thu H, sinh năm 1992, tốt nghiệp trường T cấp y Đà Nẵng nên đã liên hệ và gặp H tại nhà ở để đặt vấn đề xin việc. Tương tự như lần thứ nhất H đã đưa ra thông tin gian dối sẽ xin được việc làm cho cháu H vào làm việc chính thức tại Bệnh viện Hữu nghị X Đ. Khoảng tháng 10/2013 ông N giao cho Dương Minh H hai lần với số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền H không thực hiện xin việc cho Thu H mà chiếm đoạt chi tiêu vào mục đích cá nhân.

Dương Minh H đã trả lại cho ông Trần N số tiền 40.000.000đồng

Lần thứ ba: Cuối năm 2013, anh Bàn Văn S, sinh năm 1962, trú tỉnh Quảng Bình có nhu cầu xin việc cho con gái là Bàn Thị N, sinh năm 1990, tốt nghiệp chuyên ngành sư phạm Sử, trường Đại học sư phạm H, nên đã nhờ anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1959, đăng ký HKTT: tỉnh Quảng Bình dẫn đi gặp H tại nhà ở để đặt vấn đề xin việc. H cũng đưa ra thông tin gian dối sẽ xin được việc cho con gái anh S vào làm việc biên chế chính thức tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình. Khoảng cuối năm 2013 anh S giao cho Dương Minh H 02 lần với tổng số tiền 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng). H đã chiếm đoạt số tiền trên. Ngày 06/9/2020 đại diện gia đình bị can Dương Minh H là chị Lưu Vân K, sinh năm 1974, trú tại thôn 4 Lộc Đại, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã trả cho anh Bàn Văn S số tiền 5.000.000đồng.

Lần thứ tư: Khoảng tháng 03/2014, anh Nguyễn Thọ T, sinh năm 1955, trú tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình có nhu cầu xin việc cho hai cháu họ là Võ Văn T, sinh năm 1989 và Võ Như N, sinh năm 1992 nên đã liên hệ và gặp H tại nhà ở để đặt vấn đề xin việc. Dương Minh H đã đưa ra thông tin gian dối và hứa hẹn sẽ xin được việc cho hai cháu của anh T vào làm việc biên chế chính thức tại trường trung học phổ thông N, huyện Q. Nên ngày 05/3/2014 anh T giao cho Dương Minh H 100.000.000đồng. H đã chiếm đoạt số tiền này.

Lần thứ năm: Tháng 06/2014, chị Đinh Thị Thanh P, sinh năm 1972, trú tại tỉnh Quảng Bình có nhu cầu xin việc cho con gái là Đinh Thị M P, sinh

năm 1992, nên đã liên hệ và gặp H tại nhà ở để đặt vấn đề xin việc. Dương Minh H đã đưa ra thông tin sẽ xin được việc cho con gái chị P vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa M. Ngày 13/6/2014 cho đến 30/8/2014 chị P đã giao cho Dương Minh H 173.000.000đồng (một trăm bảy mươi ba triệu đồng). Sau khi nhận tiền H đã chiếm đoạt. Ngày 06/9/2020 đại diện gia đình bị can Dương Minh H là chị Lưu Vân K đã trả cho chị Đinh Thị M P con gái chị P số tiền 12.000.000đồng.

Lần thứ sáu: Khoảng tháng 09/2014, chị Lê Thị M, sinh năm 1966, trú tại tỉnh Quảng Trị có nhu cầu xin việc cho con trai là Nguyễn T D, sinh năm 1992, tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán, kiểm toán trường Đại học D, Thành phố Đà Nẵng nên đã liên hệ và gặp H tại nhà ở để đặt vấn đề xin việc. Dương Minh H đã đưa ra thông tin gian dối xin được việc cho con trai chị M vào làm việc biên chế chính thức tại Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình. Ngày 11/7/2014 đến ngày 16/12/2014 chị M giao cho Dương Minh H với tổng số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền H chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Dương Minh H đã trả lại cho chị M số tiền 80.000.000 đồng.

Lần thứ bảy: Ngày 03/10/2014, chị Đinh Thị Bích T, sinh năm 1958, trú tại tỉnh Quảng Bình có nhu cầu xin việc cho con trai là Trương Quang T, sinh năm 1989, tốt nghiệp trường T cấp y Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, nên đã liên hệ và gặp H tại nhà ở để nhờ xin việc. Dương Minh H đã đưa ra thông tin gian dối sẽ xin được việc cho con trai chị T vào làm việc biên chế chính thức tại Bệnh viện Hữu nghị X Đ. Ngày 01/10/2014 đến 28/01/2015 chị T giao cho Dương Minh H với tổng số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền H chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Ngày 06/9/2020 đại diện gia đình bị can Dương Minh H là chị Lưu Vân K đã trả cho Đinh Thị Bích T số tiền 8.000.000 đồng .

Lần thứ tám: Ngày 05/10/2014, anh Đinh Hữu D, sinh năm 1959, trú tại , tỉnh Quảng Bình có nhu cầu xin việc cho con dâu là Lê Hoài T, sinh năm 1993, tốt nghiệp trường T cấp y Quảng Bình, nên đã liên hệ với Dương Minh H và gặp H tại nhà ở để đặt vấn đề xin việc. Dương Minh H đưa ra thông tin gian dối sẽ xin được việc cho con dâu anh D vào làm việc biên chế chính thức tại Bệnh viện Đa khoa B. Ngày 06/10/2014 anh D giao cho Dương Minh H 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền H chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Ngày 06/9/2020 đại diện gia đình bị can Dương Minh H là chị Lưu Vân K, đã trả cho anh Đinh Hữu D số tiền 7.000.000đồng.

Lần thứ chín: Khoảng 01/2015, chị Phan Thị T, sinh năm 1991, trú tại tỉnh Quảng Trị có nhu cầu xin việc cho bản thân nên đã liên hệ và gặp H tại nhà ở để đặt vấn đề xin việc. Dương Minh H hứa hẹn sẽ xin được việc cho chị T vào làm việc tại Tập đoàn T (Trạm thu phí BOT T, tỉnh Quảng Trị). Từ

ngày 23/01/2015 đến 25/5/2015 chị Thủy giao cho Dương Minh H với tổng số tiền 160.000.000đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền H không thực hiện xin việc cho T mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Cuối năm 2015 H đã trả lại cho T 40.000.000đồng.

Lần thứ mười: Năm 2018, anh Trần Văn C, sinh năm 1993, trú tại tỉnh Thanh Hóa đang là chiến sỹ nghĩa vụ thuộc T đoàn Cảnh sát cơ động Bắc T Bộ (E26) - K02 nhập ngũ tháng 09/2015, đóng quân tại tỉnh Quảng Bình có nhu cầu xin ở lại chuyên nghiệp trong lực lượng Công an, nên đã nhờ anh Đặng N T, sinh năm 1959, trú tại huyện QT dẫn đến liên hệ và gặp H tại nhà ở để đặt vấn đề giúp. Dương Minh H đã đưa ra thông tin gian dối sẽ xin cho anh C được xét ở lại chuyên nghiệp trong lực lượng Công an nhân dân với giá 500.000.000 đồng. Từ ngày 07/9/2018 cho đến 29/10/2018 anh C đã nhiều lần giao tiền cho Dương Minh H với tổng số tiền 266.000.000 đồng(bằng hai hình thức sử dụng Internet banking chuyển khoản và giao tiền mặt). Sau khi nhận tiền H đã chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Từ tháng 01/2020 cho đến ngày 20/8/2020 đại diện gia đình bị can Dương Minh H là chị Dương Thị Mỹ L và Lưu Văn K, trú tại xã L, TP Đ, tỉnh Quảng Bình đã trả cho Trần Văn C với tổng số tiền 60.000.000 đồng.

Tổng số tiền Dương Minh H đã chiếm đoạt 1.479.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn). Quá trình điều tra đại diện gia đình của Dương Minh H là bà Lưu Văn K và Dương Thị Mỹ L đã trả lại cho một số bị hại 334.500.000 đồng (Ba trăm ba bốn triệu năm trăm nghìn đồng); hiện còn 1.144.500.000đồng (một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) chưa trả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HS-ST ngày 25/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s, b, t, v khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Minh H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt: Bị cáo Dương Minh H 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 5 năm 2020. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Dương Minh H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/01/2021 các bị hại Đinh Hữu D, Đinh Thị Thanh P, Đinh Thị Bích T, Bàn Văn S kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt cho bị cáo Dương Minh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Các bị hại Đinh Hữu D, Đinh Thị Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo; bị hại Dương Minh H, Đinh Thị Bích T và Bàn Văn S vắng mặt.

Ý kiến của các bị hại: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H 08 năm tù là quá nhẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Dương Minh H: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 năm tù là phù hợp, không nhẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo đã rõ. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Dương Minh H 08 năm tù là phù hợp, không nhẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, vắng mặt 03 bị hại Dương Minh H, Đinh Thị Bích T và Bàn Văn S không có lý do. Các đương sự và kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự vắng mặt nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và cũng không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Dương Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Mặc dù, bị cáo không có chức năng tuyển dụng lao động vào làm việc tại các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp ở tỉnh Quảng Bình, nhưng do trước đây bị cáo có thời gian làm Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn N (Công ty làm ăn thua lỗ và đã phá sản năm 2011) có quan hệ với nhiều người nên bị cáo đã đưa ra các thông tin

không đúng sự thật để các bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo. Từ năm 2013 đến năm 2018 cùng một thủ đoạn hứa xin được việc làm trong cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp cho con, cháu các bị hại, bị cáo đã nhận và chiếm đoạt tổng số tiền 1.479.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các cơ quan tố tụng và Tòa án cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo Dương Minh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Dương Minh H là người có thể chất phát triển bình thường, không bị các bệnh lý về tâm thần, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử phạt mức án rất nghiêm khắc nhưng bị cáo vẫn xem thường pháp luật, có hành vi gian dối, đưa ra các thông tin không đúng sự thật để lừa đảo chiếm đoạt của mười người bị hại với số tiền 1.479.000.000 đồng, làm cho các bị hại lâm vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, trừng trị riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét và vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo H đã mười lần nhận tiền của mười bị hại trong vụ án và những lần nhận tiền này đều đủ tang số cấu thành tội phạm nên đã phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã vận động gia đình bồi thường cho các bị hại số tiền 334.500.000 đồng, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để giải quyết nhanh vụ án, năm 2017 bị cáo có công cứu người đuối nước được Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh tặng Bằng khen và có 05 bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại các điểm b, s, t, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015; và do bị cáo có nhiều 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, mặt khác bị cáo đã cao tuổi đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề 08 năm tù là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở để xem xét. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp; do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị hại Đinh Hữu D, Đinh Thị Thanh P, Đinh Thị Bích T, Bàn Văn S giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s, b, t, v khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Dương Minh H 08 (tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 5 năm 2020. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Dương Minh H.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HS-ST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông